

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2021/HNGĐ-ST

Ngày 21-12-2021

V/v “Ly hôn tranh chấp nuôi con,
chia tài sản và nợ chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Minh Lý

2. Bà Lê Thị Diễm

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Quốc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa:**
Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 563/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản và nợ chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021, Thông báo mở lại phiên tòa ngày 02 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1984 (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp BP, xã PB, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09-10-2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh Nguyễn Hoàng P tự nguyện có tổ chức lễ cưới với nhau vào năm 2004, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BT, huyện Trảng Bàng (nay là xã PB, thị xã Trảng Bàng). Ngày cưới bên chồng có cho số nữ trang, nhưng vợ chồng đã bán để chi phí hết. Cưới xong vợ chồng sống chung bên chồng, sau đó cất nhà ra ở riêng trên đất của cha mẹ chồng cho. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân; vợ chồng sống không phù hợp nhau, bất đồng quan điểm, nên thường xuyên cãi vã, anh còn đánh chị gây áp lực về tinh thần với chị, vợ chồng không còn quan hệ tình cảm với nhau từ giữa năm 2019. Đến tháng 01-2020 chị phát hiện chồng chị có

quan hệ tình cảm với người khác. Tháng 02-2020 chị có đơn xin ly hôn với anh P, Toà án hoà giải, anh P hứa chấm dứt quan hệ bên ngoài để chung sống với chị, nên chị rút đơn và Toà án đã đình chỉ giải quyết vụ án, nhưng từ đó đến nay mặc dù sống chung nhà nhưng tiền ai nấy xài, anh P cũng không quan tâm gì đến vợ con, vợ chồng ly thân từ giữa năm 2019. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh P.

- *Về con chung*: Có 01 con Nguyễn Thị Hoài T, sinh ngày 12-7-2005, hiện chị đang nuôi, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung*: Chị không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, chị không yêu cầu giải quyết. Tại phiên toà chị khai có nợ Ngân hàng Nông nghiệp thị xã Trảng Bàng số tiền 100.000.000 đồng và cha mẹ chồng là ông Nguyễn Thanh A và bà Đặng Thị M 100.000.000 đồng, chị không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21-12-2020 bị đơn anh Nguyễn Hoàng P trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị N kết hôn nhau vào năm 2002, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn. Cưới xong vợ chồng sống chung nhà cha mẹ anh được 06 năm thì xây nhà ra ở riêng trên đất của cha mẹ anh cho. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do anh không chung thủy, vì anh có chung sống với người phụ nữ khác, hiện nay anh không còn quan hệ với người phụ nữ đó nữa.

- *Về con chung*: Có 01 tên Nguyễn Thị Hoài T, sinh ngày 12-7-2005, hiện vợ chồng đang nuôi.

- *Về tài sản chung*: Có 01 căn nhà xây trên đất của cha mẹ anh cho, hiện vợ chồng đang quản lý.

- *Về nợ chung*: Không có. Tại phiên toà anh thừa nhận có nợ Ngân hàng Nông nghiệp thị xã Trảng Bàng số tiền 100.000.000 đồng và cha mẹ anh là ông Nguyễn Thanh A và bà Đặng Thị M số tiền 100.000.000 đồng, anh không yêu cầu giải quyết.

Nay vợ xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn do còn thương vợ con và anh cũng không còn quan hệ với người phụ nữ đó nữa. Nếu có ly hôn thì anh không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng chị N đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Anh P vắng mặt nhiều lần không có lý do, là chưa chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Anh P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do, nên đề nghị xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh P; về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Hoài T, sinh ngày 12-7-2005 cho chị N được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu, nên không giải quyết, nhưng Đơn khởi kiện chị có yêu cầu chia tài sản chung, sau đó chị rút yêu cầu, nên cần đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung là

phù hợp với Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; về nợ chung do số nợ có liên quan đến bên thứ ba, để đảm bảo quyền lợi của chủ nợ đề nghị Hội đồng xét xử tạm dừng phiên tòa làm việc với chủ nợ với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, mới giải quyết toàn diện vụ án. Tuy nhiên qua làm việc thì số nợ của Ngân hàng anh chị đã thanh toán xong, còn cha mẹ anh P thì không yêu cầu nên không đưa vào tham gia tố tụng để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Chị Nguyễn Thị N xin ly hôn với anh Nguyễn Hoàng P, anh P có hộ khẩu thường trú tại ấp BP, xã PB, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, nên Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 31-5-2021 các đương sự khai có nợ Ngân hàng Nông nghiệp thị xã Trảng Bàng số tiền 100.000.000 đồng và cha mẹ anh P là ông Nguyễn Thanh A và bà Đặng Thị M 100.000.000 đồng, anh chị không yêu cầu giải quyết. Nhưng do số nợ có liên quan đến chủ nợ, nên cần đưa chủ nợ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mới giải quyết toàn diện vụ án. Tuy nhiên qua làm việc thì số nợ của Ngân hàng đã thanh toán xong, còn cha mẹ anh P thì không yêu cầu giải quyết và cũng không yêu cầu tham gia tố tụng. Xét thấy không cần thiết đưa các chủ nợ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Chị N và anh P tự nguyện tổ chức lễ cưới với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không còn quan hệ tình cảm với nhau từ giữa năm 2019.

Xét thấy, do anh chị không tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau, tháng 01-2020 chị N phát hiện anh P có quan hệ tình cảm với người khác, nên chị có đơn xin ly hôn với anh P, Tòa án hoà giải, anh P hứa chấm dứt quan hệ bên ngoài để chung sống với chị N, nên chị N rút đơn và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án bằng Quyết định số 38 ngày 18-6-2020, nhưng từ đó đến nay mặc dù sống chung nhà nhưng tiền ai nấy xài, không ai quan tâm đến ai, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, nên chị N tiếp tục xin ly hôn. Tòa án mời anh P đến hòa giải, nhưng anh không đến, tức là anh P cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh P là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Có 01 con tên Nguyễn Thị Hoài T, sinh ngày 12-7-2005, hiện anh chị đang nuôi. Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng. Anh P không có ý kiến. Xét thấy, cháu T có nguyện vọng muốn sống với mẹ, nên giao cháu T cho chị N được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản chung*: Chị N, anh P không yêu cầu, nên không giải quyết. Theo đơn kiện chị N có yêu cầu chia tài sản chung, nhưng chị N đã rút yêu cầu nên cần đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị N là phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] *Về nợ chung*: Chị N, anh P và chủ nợ ông Nguyễn Thanh A, bà Đặng Thị M không yêu cầu, nên không giải quyết.

[6] *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: Chị N phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 227, 244, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Nguyễn Hoàng P. Chị N được ly hôn với anh P.

2. *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Thị Hoài T, sinh ngày 12-7-2005 cho chị Nguyễn Thị N được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Hoàng P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung*: Chị N, anh P không yêu cầu, nên không giải quyết. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị N.

4. *Về nợ chung*: Chị N, anh P và chủ nợ không yêu cầu, nên không giải quyết.

5. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị N chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0014693 ngày 16-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng. Hoàn trả cho chị N 2.200.000 (Hai triệu hai trăm nghìn) đồng tiền án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã PB;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị An